TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **952**/2023/HS-PT
Ngày: 18/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1292/2023/TLPT-HS ngày 08/11/2023 đối với bị cáo Phạm Thị Thu H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Phạm Thị Thu H, sinh năm 1994 tại thành phố N, tỉnh N. Nơi cư trú: số nhà 20, ngõ 18, đường Đ, phố K, phường T, thành phố N, tỉnh N; Nơi ĐKHKTT: thôn T1, xã N1, huyện H1, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D (đã chết) và bà Đinh Thị H2; có chồng Phạm Đức D1 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh ngày 26/12/2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2015/HSST ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T2, tỉnh T2 xử phạt Phạm Thị Thu H 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội "Cưỡng đoạt tài sản", phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, ngày 06/8/2015 bị cáo đã thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2015/HSST ngày 14/12/2015 của

Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt Phạm Thị Thu H 27 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 146/2015/HSST ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T2, tỉnh T2 buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án là 61 tháng 08 ngày tù. Ngày 03/5/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 04/5/2016 bị cáo thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm, ngày 14/7/2017 bị cáo thi hành xong tiền phạt bổ sung và ngày 07/9/2017 chấp hành xong lãi suất chậm thi hành án.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định:* Luật sư Đinh Thị Kim T3, Công ty Luật TNHH một thành viên B, Đoàn luật sư thành phố H3; có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/11/2020 vợ chồng anh Trần Văn H4, chị Nguyễn Thị H5 trúng đấu giá lô đất A24.10, thửa đất số 5879, tờ bản đồ số 6 thuộc xã G, huyện G1, tỉnh N diện tích 126m^2 với giá 5.283.000 đồng/m^2. Ngày 27/11/2020, vợ chồng anh H4, chị H5 bán thửa đất trên cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Phạm Thị H6 với giá 720.000.000 đồng. Ngày 06/01/2021, thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện G1, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 mang tên anh Trần Văn H4 và vợ Nguyễn Thị H5. Ngày 27/02/2021 anh Nguyễn Văn Q đã thông qua tài khoản mạng xã hội Facebook "Q1" đính kèm số điện thoại 0866.877.876 đăng bài bán thửa đất trên với giá 900.000.000 đồng. Sau khi đọc bài đăng, Phạm Thị Thu H sử dụng số điện thoại 0346.700.282 liên hệ với anh Q mua thửa đất nêu trên với giá mà anh Q đưa ra và hẹn anh Q đến khu vực gần Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh N để làm hợp đồng mua bán. Tại đây H đã làm hợp đồng chuyển nhượng về việc mua bán đất với vợ chồng anh Q và chuyển cho anh Q 100.000.000 đồng đặt cọc. Ngay sau đó Hương bán mảnh đất trên cho vợ chồng anh Nguyễn Hoàng N2 và chị Phạm Thị Hồng N3 với giá 1.060.000.000 đồng. Ngay trong ngày chị N3 đã sử dụng tài khoản của mình số 102872696289 thuộc Ngân hàng T4 chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của H số 0221000074215 thuộc Ngân hàng T4.

Ngày 06/3/2021, H hẹn vợ chồng anh Q và vợ chồng anh N2 đến Văn phòng công chứng Q2 tại phường T, thành phố N, tỉnh N để làm thủ tục chuyển nhượng lô đất trên cho vợ chồng anh N2. Do bìa đất đứng tên vợ chồng anh H4 nên anh Q và Hương đã liên hệ nhờ vợ chồng anh H4 đến Văn phòng công chứng Q2 để ký kết hợp đồng chuyển nhượng lô đất cho vợ chồng anh N2. Sau khi ký kết xong hợp đồng vợ chồng anh N2 đã giao nốt cho H số tiền mua bán đất là 960.000.000 đồng, tại đây H đã thanh toán nốt số tiền 800.000.000 đồng cho vợ chồng anh Q.

Ngày 06/6/2022, do quá thời hạn nộp thuế để sang tên thửa đất nên vợ chồng anh N2 liên hệ với H nhờ vợ chồng anh H4 ký lại hợp đồng chuyển nhượng để vợ chồng anh N2 làm thủ tục sang tên bìa đất. Tại Văn phòng công chứng Q2, vợ chồng anh H4 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6270/CN-QSDĐ chuyển nhượng lô đất trên cho vợ chồng anh N2. Ngày 07/6/2022, tại Văn phòng công chứng Q2, vợ chồng anh N2 làm giấy ủy quyền cho H thay mặt giúp vợ chồng anh N2 làm các thủ tục kê khai thuế, đăng ký biến động, các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đất) mang tên vợ chồng anh N2. Sau khi ủy quyền cho H, vợ chồng anh N2 đã giao toàn bộ giấy tờ và bìa đất số CY 174899, mang tên vợ chồng anh H4 cho H. H hẹn sau 03 tháng sẽ hoàn tất thủ tục giao bìa đất sang tên cho vợ chồng anh N2.

Đầu tháng 7/2022, H đến nhà anh Phạm Xuân H7 đưa cho anh H7 xem bìa đất nêu trên và nói đây là lô đất do H và vợ chồng anh H4 mua chung, hiện tại H đang cần tiền nên muốn đưa bìa đất nêu trên cho anh H7 giữ để làm tin để vay số tiền 600.000.000 đồng và hứa hẹn sau 01 tháng sẽ trả lại tiền cho anh H7, anh H7 đồng ý. Khoảng 03 ngày sau, H tiếp tục đến nhà anh H7 vay thêm số tiền 150.000.000 đồng. Sau 01 tháng H không trả tiền như đã hứa nên anh H7 liên lạc để đòi tiền, H nói hiện không có tiền để trả cho anh H7 nên muốn bán lô đất nêu trên cho anh H7 với giá tiền 750.000.000 đồng, tương ứng với số tiền H đã vay, anh H7 đồng ý. Sau đó H đã nhờ chị Lê Thị T5 liên hệ với anh Dương Tuấn K1 là nhân viên Văn phòng công chứng N4, chuyển các giấy tờ liên quan nhờ anh K1 làm hợp đồng ủy quyền, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H7. Sau khi kiểm tra xong các giấy tờ anh K1 đã đồng ý làm các hợp đồng nói trên. Ba ngày sau khi thủ tục đã hoàn tất anh K1 mang hồ sơ đến, H đón anh H7 và vợ chồng anh H4 đến quán nước thuộc xã T6, huyện H1, tỉnh N để cùng vợ chồng anh H4 ký kết hợp đồng chuyển nhượng lô đất nêu trên từ vợ chồng anh H4 cho anh H7. Việc ký kết có sự chứng kiến của anh Dương Tuấn K1.

Khoảng tháng 9/2022 vợ chồng anh N2 liên hệ với H để hỏi về việc làm bìa đất thì H nói dối đã làm xong bìa đất rồi nhưng do đang bận việc gia đình nên chưa giao bìa đất cho vợ chồng anh N2 được, sau đó vợ chồng anh N2 đã nhiều lần liên hệ nhưng H đưa ra nhiều lý do để khất lần. Sau đó vợ chồng anh N2 không liên lạc được với H, nghi ngờ H không giúp mình làm được bìa đất nên vợ chồng anh N2 đã tìm cách gặp H để nói chuyện nhưng không gặp được H. Ngày 24/10/2022, anh N2 đã đến Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh N để hỏi thì được biết thửa đất nêu trên vẫn mang tên vợ chồng anh H4 và chị H5, chưa sang tên vợ chồng anh N2. Tại đây anh N2 đã có đơn đề nghị ngăn chặn việc chuyển nhượng, mua bán, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên với lý do vợ chồng anh N2 đã mua thửa đất này của Hương với giá 1.060.000.000 đồng.

Sau khi mua lô đất nêu trên của H, H7 đã đăng bài rao bán trên mạng xã hội Facebook với giá 850.000.000 đồng, ngày 19/10/2022, anh Nguyễn Gia T7 liên hệ và thỏa thuận mua lô đất nêu trên với giá 830.000.000 đồng. Ngày 21/10/2022 tại Văn phòng công chứng N4, anh H7 đã làm thủ tục chuyển nhượng lô đất nêu trên cho vợ chồng anh T7.

Ngày 27/10/2022, anh T7 mang thủ tục chuyển nhượng đến Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh N để làm thủ tục sang tên nhưng được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1 trả lời lô đất trên đã bị anh Nguyễn Hoàng N2 làm đơn đề nghị ngăn chặn chuyển nhượng, mua bán, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do vợ chồng anh N2 đã mua của Phạm Thị Thu H trước đó với giá 1.060.000.000 đồng. Sau đó anh T7 gặp nói cho anh H7 biết H đã bán mảnh đất này cho anh N2 từ tháng 6/2022 nhưng đến tháng 7/2022 lại nói dối là đất của H mua chung với vợ chồng anh H4 lừa bán cho anh H7 để chiếm đoạt số tiền 750.000.000 đồng nên anh H7 đã làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tài liệu và vật chứng đã thu giữ:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã thu giữ:

- Phạm Thị Thu H giao nộp 03 giấy khai sinh bản sao con của H trong đó có 02 cháu sinh đôi sinh ngày 18/9/2020; 01 cháu sinh ngày 26/12/2021 và 01 bản sao kê lịch sử giao dịch của số tài khoản 0221000074215 thuộc Ngân hàng T4 thời gian từ ngày 27/10/2021 đến 02/3/2022.

- Phạm Xuân H7 giao nộp 01 bản sao kê lịch sử giao dịch; 01 phiếu báo

giao dịch của số tài khoản 198555556789 thuộc Ngân hàng Q3 ngày 20 và 21/10/2022.

- Nguyễn Gia T7 giao nộp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 (bản chính); 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 (bản phô tô); 01 bản sao kê lịch sử giao dịch của số tài khoản 109004296674 thuộc Ngân hàng T4 thời gian từ ngày 19/10/2022 đến ngày 20/10/2022; 01 bản sao kê lịch sử giao dịch của số tài khoản 9704229208121578134 thuộc Ngân hàng Q3 thời gian từ ngày 21/10/2021 đến ngày 26/10/2021; 01 Giấy xác nhận thông tin về cư trú số 00070/XN ngày 19/10/2022 (bản phô tô); 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1964/CN-QSDĐ ngày 21/10/2022 (bản sao); 01 Căn cước công dân số 0370800014449 mang tên Nguyễn Gia T7 (bản sao); 01 Căn cước công dân số 037185004351 mang tên Trần Thị Thanh H8 (bản sao).

- Anh Nguyễn Hoàng N2 giao nộp 01 bản kê lịch sử giao dịch của số tài khoản 102872696289 thuộc Ngân hàng T4 ngày 27/10/2021; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6270/CN-QSDĐ ngày 06/6/2022 (bản sao); 01 Giấy ủy quyền; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 (bản phô tô); 17 tờ nội dung các tin nhắn đầu tiên ngày 23/10/2022, tin cuối ngày 15/11/2022 thể hiện việc sau khi vợ chồng anh N2 chị N3 ủy quyền cho H làm thủ tục chuyển đổi sang tên bìa đỏ nhưng H không làm và không giao bìa đỏ lại cho vợ chồng anh, chị; Chị N3 đã nhắn tin yêu cầu H trả lại bìa đỏ nhưng H không trả lại cho chị N3 và H xem đều ký xác nhận là đúng.

- Anh Nguyễn Văn Q giao nộp 01 Hợp đồng chuyển nhượng về việc mua bán nhà, đất.

- Bà Nguyễn Thị Thúy C, công chứng viên Văn phòng công chứng N4 giao nộp 03 phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản; 01 hợp đồng ủy quyền số 1514 ngày 22/7/2022; 01 hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số 1963 ngày 21/10/2022; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1964 ngày 21/10/2022 và các giấy tờ liên quan đến việc làm các thủ tục nói trên của vợ chồng anh H4, vợ chồng anh T7 và anh H7.

- Bà An Thị K2, công chứng viên Văn phòng công chứng Q2 giao nộp 02 Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng (bản sao), văn bản; 01 hợp đồng ủy quyền số 6270/CN-QSDĐ ngày 06/6/2022 (bản sao); 01 giấy ủy quyền ngày 27/11/2020 (bản sao); 01 giấy ủy quyền ngày 07/6/2022 (bản sao); 01 phiếu trúng đấu giá xã G- khu 3, số 267, ngày 14/11/2020 (bản phô tô) và các giấy tờ khác liên quan đến các thủ tục trên của vợ chồng anh H4, vợ chồng anh N2, vợ chồng anh Q và chị Phạm Thị Thu H.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G1, tỉnh N giao nộp 01 Quyết định về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá giá trị quyền sử dụng 428 lô đất ở khu vực dân cư mới xã G, huyện G1, tỉnh N (bản sao); 01 danh sách người trúng đấu giá tại khu vực trên (bản sao); 01 sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 (bản sao).

Ngày 08/6/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 do Ủy ban huyện G1, tỉnh N cấp ngày 06/01/2021 mang tên anh Trần Văn H4, chị Nguyễn Thị H5 (bản chính) cho vợ chồng anh Nguyễn Hoàng N2 và chị Phạm Thị Hồng N3.

* Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phạm Xuân H7 yêu cầu Phạm Thị Thu H phải bồi thường thiệt hại số tiền đã chiếm đoạt 750.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Gia T7, chị Trần Thị Thanh H8 có đơn yêu cầu anh Phạm Xuân H7 hoàn trả lại số tiền 830.000.000 đồng đã nhận từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ các Điều 357; 468; 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Thu H 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023 bị cáo Phạm Thị Thu H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Thu H, xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản

4 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại quan điều tra (bút lục 37, 86, 92, 95, 97); phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các bản sao các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thu giữ tại Văn phòng công chứng Q2 và Văn phòng công chứng N4 cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị Thu H là người biết rõ lô đất trúng đấu giá số A 24.10, thửa đất số 5879 tờ bản đồ số 6 thuộc xã G, huyện G1, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 do Ủy ban nhân dân huyện G1, tỉnh N cấp ngày 06/01/2021 mang tên vợ chồng anh Trần Văn H4, chị Nguyễn Thị H5 được mua bán qua nhiều người nhưng đều chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tháng 3/2021, sau khi mua lô đất trên từ vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, H đã bán lại cho vợ chồng anh Nguyễn Hoàng N2 và chị Phạm Thị Hồng N3. Lợi dụng được vợ chồng anh N2 tin tưởng giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 174899 (bản chính) và ủy quyền cho H đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên. H đã nói dối là đất của mình mua chung với vợ chồng anh H4, chị H5 và chuyển nhượng cho anh Phạm Xuân H7 để đối trừ đi số tiền 750.000.000 đồng đã vay của anh H7 trước đó. Bởi hành vi nêu trên bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp *"Chiếm đoạt tài sản trị*

giá 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần bị xét xử về các tội "Cưỡng đoạt tài sản", "Mua bán trái phép chất ma túy" tuy đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân nay tiếp tục phạm tội thể hiện là đối tượng khó cải tạo, giáo dục.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục bồi thường được một phần cho người bị hại; hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con đều còn nhỏ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo là phụ nữ, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, quá trình xét xử sơ thẩm đã khắc phục một phần hậu quả. Tại cấp phúc thẩm đã có ý thức chấp hành pháp luật. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thu H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

1. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Thu H 10 (mười) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an tỉnh N;
- Trại TG Công an tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà